

*

Số 61-CTr/TU

Hà Nam, ngày 19 tháng 7 năm 2018



CHƯƠNG TRÌNH HÀNH ĐỘNG

Thực hiện Nghị quyết số 23-NQ/TW của Bộ Chính trị
về định hướng xây dựng chính sách phát triển công nghiệp quốc gia
đến năm 2030, tầm nhìn 2045

Quán triệt sâu sắc các chủ trương, quan điểm chỉ đạo, mục tiêu, nhiệm vụ của Nghị quyết số 23-NQ/TW ngày 22/3/2018 của Bộ Chính trị về định hướng xây dựng chính sách phát triển công nghiệp quốc gia đến năm 2030, tầm nhìn 2045 (Nghị quyết 23); Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh xây dựng Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết với những nội dung chính sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

- Các cấp ủy đảng, chính quyền, cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp và cán bộ, đảng viên nghiêm túc quán triệt các nội dung Nghị quyết 23 để thống nhất trong nhận thức và có quyết tâm hành động trong tổ chức thực hiện.
- Xác định các nhiệm vụ để cấp ủy đảng, chính quyền các cấp, các ngành và các tổ chức đoàn thể xây dựng kế hoạch, đề án triển khai thực hiện Nghị quyết.
- Việc triển khai Nghị quyết phải được thực hiện nghiêm túc, cụ thể hóa định hướng xây dựng chính sách phát triển công nghiệp quốc gia, đảm bảo phù hợp với tình hình thực tiễn của tỉnh, của từng ngành, từng địa phương.

II. PHƯƠNG HƯỚNG, MỤC TIÊU

1. Phương hướng:

Trên cơ sở quán triệt các quan điểm, định hướng của Bộ Chính trị tại Nghị quyết 23, phương hướng chung xây dựng chính sách phát triển công nghiệp của tỉnh đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2035 là:

- Tiếp tục đẩy mạnh thực hiện Nghị quyết 04-NQ/TU, ngày 08/4/2016 của Tỉnh ủy về đẩy mạnh phát triển công nghiệp hỗ trợ, chế biến, chế tạo, tạo nền tảng phát triển công nghiệp với tốc độ cao và bền vững giai đoạn 2016-2025. Tăng cường năng lực chủ động nắm bắt, tận dụng tối đa các lợi thế của cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư (công nghiệp 4.0) để thúc đẩy phát triển công nghiệp, góp phần đẩy mạnh phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh nhanh và bền vững. Phát triển công nghiệp Hà Nam phù hợp với quy hoạch phát triển kinh tế xã hội và các ngành kinh tế của tỉnh, phát triển công nghiệp của vùng và cả nước; đồng thời gắn với quá trình đô thị hóa và hội nhập kinh tế quốc tế.

Lấy phát triển công nghiệp công nghệ thông tin, công nghiệp điện tử là chủ đạo; phát triển công nghiệp chế biến, chế tạo là trung tâm; phát triển công nghiệp chế tạo thông minh là bước đột phá; chú trọng phát triển công nghiệp xanh.

Tập trung thu hút đầu tư vào các khu, cụm công nghiệp đã được quy hoạch. Hạn chế thu hút doanh nghiệp công nghiệp đầu tư bên ngoài khu, cụm công nghiệp.

Phát triển công nghiệp gắn với bảo vệ môi trường, đảm bảo quốc phòng, an ninh quốc gia và giải quyết các vấn đề xã hội.

2. Mục tiêu

2.1. Mục tiêu tổng quát

- Phấn đấu đến năm 2030, tỉnh Hà Nam cơ bản hoàn thành mục tiêu công nghiệp hóa, hiện đại hóa, nhiều sản phẩm công nghiệp có sức cạnh tranh quốc tế, tham gia sâu vào chuỗi giá trị toàn cầu. Tầm nhìn đến 2045, tỉnh Hà Nam có nền công nghiệp phát triển hiện đại.

2.2. Mục tiêu cụ thể

- Phấn đấu đến năm 2030, tỷ trọng công nghiệp trong GRDP đạt trên 47%; trong đó tỷ trọng công nghiệp chế biến, chế tạo đạt trên 40%.

- Tỷ trọng giá trị sản phẩm công nghiệp công nghệ cao trong các ngành chế biến, chế tạo đạt tối thiểu 45%.

- Tốc độ tăng trưởng giá trị gia tăng công nghiệp đạt bình quân từ 10%/năm trở lên.

- Tỷ lệ lao động trong lĩnh vực công nghiệp và dịch vụ đạt trên 70%.

- Hoàn thiện và khai thác hiệu quả các khu công nghiệp, cụm công nghiệp đã được quy hoạch; thu hút được các doanh nghiệp công nghiệp có quy mô lớn, có năng lực cạnh tranh khu vực và quốc tế.

III. NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM VÀ TRÁCH NHIỆM THỰC HIỆN

1. Quán triệt, tuyên truyền, tổ chức thực hiện Nghị quyết

Các cấp ủy đảng, chính quyền, cơ quan, đơn vị tổ chức quán triệt và tuyên truyền Nghị quyết 23/NQ-TW, Chương trình hành động của Tỉnh ủy đến toàn thể cán bộ, đảng viên, các doanh nghiệp và nhân dân nhằm nâng cao nhận thức và quyết tâm hành động trong xây dựng và tổ chức thực hiện chính sách phát triển công nghiệp; xây dựng Chương trình, kế hoạch cụ thể hóa việc triển khai thực hiện đảm bảo phù hợp với điều kiện thực tiễn. Kịp thời phát hiện, biểu dương nhân tố mới và nhân rộng mô hình mới, cách làm hay, điển hình tiên tiến trong lĩnh vực phát triển công nghiệp.

2. Ban cán sự đảng UBND tỉnh chỉ đạo rà soát, tham mưu bổ sung, điều chỉnh, cụ thể hóa các cơ chế, chính sách phát triển công nghiệp của tỉnh. Trong đó tập trung các trọng tâm:

2.1. Chuyển dịch cơ cấu, đẩy mạnh phát triển các ngành công nghiệp ưu tiên

- Rà soát, điều chỉnh quy hoạch phát triển công nghiệp, cơ cấu lại các ngành công nghiệp theo hướng tập trung, khai thác tiềm năng lợi thế, đảm bảo yêu cầu bảo vệ môi trường, quốc phòng, an ninh. Đẩy nhanh chuyển dịch cơ cấu nội bộ ngành công nghiệp theo hướng công nghiệp sạch, giá trị gia tăng cao, phù hợp với mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh và xu thế phát triển mới trong thời kỳ hội nhập quốc tế sâu rộng.

- Triển khai thực hiện tốt Quy hoạch phát triển Công nghiệp - Thương mại tỉnh Hà Nam đến 2025, tầm nhìn 2035; Nghị quyết 04-NQ/TU của Tỉnh ủy về phát triển công nghiệp hỗ trợ, chế biến, chế tạo. Tập trung ưu tiên phát triển công

nghiệp hỗ trợ, chế biến, chế tạo trong các khu công nghiệp; chú trọng những sản phẩm sử dụng công nghệ cao, hiện đại, kỹ thuật tiên tiến; tiết kiệm tài nguyên, năng lượng, giảm thiểu ô nhiễm môi trường; các dự án công nghiệp đầu tư vào lĩnh vực nông nghiệp công nghệ cao.

+ Giai đoạn từ nay đến năm 2030: tập trung ưu tiên phát triển công nghiệp hỗ trợ thuộc các lĩnh vực điện tử, viễn thông, công nghệ thông tin, cơ khí chế tạo, lắp ráp, sản phẩm công nghệ cao, sản phẩm thân thiện môi trường và tiết kiệm năng lượng, hàng tiêu dùng cao cấp...

+ Giai đoạn 2030-2045, tập trung ưu tiên phát triển các thể hệ mới của ngành công nghiệp công nghệ thông tin và viễn thông; phổ cập công nghệ kỹ thuật số, tự động hóa, thiết bị cao cấp, vật liệu mới và công nghệ sinh học.

Việc xác định các ngành ưu tiên phải có tính linh hoạt, định kỳ phải đánh giá hiệu quả hoạt động theo các tiêu chí để có điều chỉnh phù hợp; định hướng các doanh nghiệp phải đổi mới công nghệ, trang thiết bị sản xuất để chuyển đổi, chậm nhất đến năm 2025, sẽ chấm dứt hoạt động các các doanh nghiệp có công nghệ lạc hậu, không đảm bảo các yêu cầu về bảo vệ môi trường. Có chính sách hỗ trợ để các doanh nghiệp Việt Nam tham gia sản xuất các sản phẩm hỗ trợ trong chuỗi giá trị với doanh nghiệp FDI.

Bên cạnh việc kịp thời triển khai có hiệu quả các chính sách hỗ trợ phát triển công nghiệp của Chính phủ, các Bộ, ngành Trung ương, cần nghiên cứu, xây dựng cơ chế đặc thù, chính sách hỗ trợ trong chuyển dịch cơ cấu công nghiệp, phát triển ngành công nghiệp ưu tiên phù hợp với nguồn lực của tỉnh, đồng thời đảm bảo theo cơ chế thị trường, tuân thủ các điều khoản, cam kết quốc tế mà Việt Nam đã ký kết.

2.2. Tạo lập môi trường đầu tư, kinh doanh thuận lợi

- Thực hiện có hiệu quả Nghị quyết số 19-2018/NQ-CP của Chính phủ về tiếp tục thực hiện những nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia năm 2018 và những năm tiếp theo; Chỉ thị số 06-CT/TU ngày 25/5/2016 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về việc tăng cường sự lãnh đạo của các cấp ủy Đảng trong việc tháo gỡ khó khăn cho sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp, thực hiện các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh giai đoạn 2016-2020 nhằm cải thiện mạnh mẽ môi trường đầu tư kinh doanh nói chung và cho phát triển trong lĩnh vực công nghiệp nói riêng.

- Tăng cường các hoạt động hỗ trợ cho nhà đầu tư như: hỗ trợ tín dụng, miễn giảm thuế, các thủ tục hành chính liên quan đến đầu tư...theo quy định của pháp luật.

- Nâng cao chất lượng và hiệu quả công tác kiểm tra, kiểm soát thị trường, đấu tranh chống buôn lậu, gian lận thương mại, hàng giả, hàng kém chất lượng, vi phạm quyền sở hữu trí tuệ trong lĩnh vực công nghiệp, đảm bảo môi trường sản xuất kinh doanh lành mạnh.

- Tập trung đẩy mạnh cải cách hành chính, trọng tâm là thủ tục hành chính. Thực hiện đồng bộ các giải pháp đảm bảo an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội.

- Xây dựng chính sách đột phá, tạo lập môi trường khởi nghiệp trong lĩnh vực công nghiệp, nhất là khởi nghiệp đổi mới sáng tạo.

2.3. *Đẩy mạnh phát triển doanh nghiệp công nghiệp*

- Triển khai quyết liệt, có hiệu quả Chương trình hành động số 45-CTr/TU ngày 10/8/2017 của Tỉnh ủy thực hiện các Nghị quyết hội nghị Trung ương 5 khóa XII, trong đó chú trọng Nghị quyết số 10-NQ/TW ngày 03/6/2017 của Ban Chấp hành Trung ương khóa XII về phát triển kinh tế tư nhân trở thành một động lực quan trọng của nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, phát triển các doanh nghiệp tư nhân thực sự trở thành động lực quan trọng cho phát triển công nghiệp của tỉnh; Chương trình hành động của tỉnh thực hiện Nghị quyết số 35/NQ-CP ngày 16 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ về hỗ trợ và phát triển doanh nghiệp đến năm 2020.

- Triển khai tốt các chính sách nâng cao năng lực công nghệ, quản trị cho các doanh nghiệp công nghiệp; khuyến khích, hỗ trợ hình thành các doanh nghiệp có quy mô lớn, các tập đoàn kinh tế thuộc lĩnh vực sản xuất công nghiệp; khuyến khích phát triển các doanh nghiệp công nghiệp vừa và nhỏ, các doanh nghiệp hỗ trợ, các doanh nghiệp, tổ chức dịch vụ tư vấn phát triển công nghiệp; hỗ trợ phát triển các nhà cung ứng trong các ngành công nghiệp ưu tiên.

- Đẩy mạnh thu hút đầu tư trong nước, đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI), đặc biệt là trong lĩnh vực công nghiệp chế biến, chế tạo, điện tử, năng lượng tái tạo, ưu tiên các dự án sử dụng công nghệ “cao, mới, sạch, tiết kiệm”, có cam kết chuyển giao công nghệ, đào tạo, sử dụng nhân lực tại chỗ, liên doanh, liên kết sản xuất với các doanh nghiệp, hợp tác xã.

- Xây dựng và công khai danh mục dự án thu hút đầu tư vào lĩnh vực công nghiệp, đồng thời đẩy mạnh công tác xúc tiến đầu tư để thu hút các nhà đầu tư có tiềm năng vào lĩnh vực sản xuất công nghiệp.

2.4. *Phát triển nguồn nhân lực cho công nghiệp*

- Tổ chức thực hiện có hiệu quả các cơ chế, chính sách phát triển nhân lực công nghiệp, đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa.

- Sắp xếp, cơ cấu lại, đổi mới và nâng cao chất lượng các cơ sở đào tạo của tỉnh nhằm từng bước tạo nguồn nhân lực công nghiệp có khả năng tiếp cận các công nghệ sản xuất mới. Triển khai mô hình đào tạo về khoa học, công nghệ, kỹ thuật và toán học, ngoại ngữ, tin học ngay từ chương trình giáo dục phổ thông. Khuyến khích các doanh nghiệp tham gia đào tạo nhân lực công nghệ cao, gắn kết chặt chẽ giữa nghiên cứu, đào tạo với hoạt động sản xuất kinh doanh và nhu cầu của thị trường lao động công nghiệp “thời kỳ Cách mạng công nghiệp 4.0”. Thu hút nhân tài có trình độ kỹ thuật chuyên môn cao, có năng lực đổi mới sáng tạo.

- Chú trọng đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ doanh nhân có trình độ chuyên môn cao, kỹ năng quản lý, quản trị hiện đại, có đạo đức kinh doanh và tinh thần trách nhiệm đối với xã hội, địa phương.

- Định hướng, hỗ trợ chuyển dịch lao động nông nghiệp sang lao động công nghiệp, dịch vụ; xây dựng đội ngũ lao động công nghiệp có ý thức tổ chức kỷ luật, tay nghề cao, có năng lực tiếp thu, áp dụng công nghệ mới, năng suất cao, chất lượng, hiệu quả.

2.5. Chính sách khoa học và công nghệ cho phát triển công nghiệp

- Phát triển hạ tầng, ứng dụng công nghệ thông tin - truyền thông trong phát triển công nghiệp, nhất là hạ tầng kết nối số đảm bảo an toàn, đồng bộ đáp ứng nhu cầu phát triển trong cuộc cách mạng công nghiệp 4.0. Tạo điều kiện cho doanh nghiệp, người dân dễ dàng, thuận lợi, bình đẳng trong tiếp cận các cơ hội phát triển nội dung công nghệ số.

- Thực hiện có hiệu quả các chương trình như: Chương trình đổi mới công nghệ quốc gia đến 2020, chương trình quốc gia nâng cao năng suất và chất lượng hàng hóa sản phẩm, hàng hóa của Doanh nghiệp Việt Nam đến 2020; Đề án ứng dụng khoa học công nghệ trong quá trình tái cơ cấu ngành công thương giai đoạn đến 2025, tầm nhìn đến 2030.

- Hỗ trợ, khuyến khích các tổ chức, các doanh nghiệp đầu tư nghiên cứu, phát triển, chuyển giao công nghệ, ứng dụng tiến bộ khoa học - công nghệ vào sản xuất kinh doanh, xác định doanh nghiệp là lực lượng quan trọng và là trung tâm trong phát triển và ứng dụng khoa học công nghệ. Tăng cường hợp tác trong nghiên cứu, ứng dụng khoa học, công nghệ, mua bán chuyển giao các sản phẩm công nghệ.

- Kiểm soát chặt chẽ công nghệ đối với các ngành công nghiệp, tranh thủ công nghệ tiên tiến, lợi thế của nước đi sau, đi tắt, đón đầu, tận dụng tối đa lợi thế lao động của địa phương và khai thác có hiệu quả năng lực sản xuất hiện có; quản lý chặt chẽ việc nhập khẩu máy móc, thiết bị, công nghệ công nghiệp đảm bảo chất lượng và hiệu quả.

- Đổi mới cơ chế quản lý tài chính đối với hoạt động khoa học công nghệ, phương thức sử dụng ngân sách nhà nước cho khoa học công nghệ. Thực hiện cơ chế hợp tác công - tư trong việc triển khai các dự án đổi mới công nghệ, nghiên cứu và phát triển; áp dụng hình thức nhà nước đặt hàng nhiệm vụ khoa học - công nghệ. Hỗ trợ phát triển các doanh nghiệp khoa học công nghệ trong công nghiệp.

2.6 Về quản lý khai thác tài nguyên, khoáng sản và bảo vệ môi trường, thích ứng với biến đổi khí hậu trong quá trình phát triển công nghiệp

- Xây dựng và tổ chức thực hiện hiệu quả quy hoạch, kế hoạch quản lý, khai thác sử dụng tài nguyên khoáng sản. Chỉ cho phép áp dụng các công nghệ khai thác, chế biến khoáng sản hiện đại, tiết kiệm, bảo vệ môi trường, mang lại hiệu quả kinh tế - xã hội bền vững. Tạo điều kiện cho doanh nghiệp tiếp cận đất đai thuận lợi, đảm bảo theo đúng các quy định của pháp luật.

- Thực hiện lồng ghép các yêu cầu thích ứng với biến đổi khí hậu, phòng chống thiên tai, bảo vệ môi trường trong quy hoạch, kế hoạch, chương trình, dự án phát triển công nghiệp. Ưu tiên, khuyến khích các dự án đầu tư sử dụng tiết kiệm năng lượng, tài nguyên và bảo vệ môi trường, cương quyết không đánh đổi môi trường với tăng trưởng công nghiệp. Quy định rõ trách nhiệm bảo vệ môi trường của các cơ sở công nghiệp, tăng cường công tác kiểm tra giám sát và xử lý nghiêm các hành vi vi phạm pháp luật. Khuyến khích phát triển các cơ sở công nghiệp môi trường, đẩy mạnh xã hội hóa công tác bảo vệ môi trường.

- Công bố lộ trình chấm dứt hoạt động của các dây chuyền chế biến khoáng sản có quy mô nhỏ, lạc hậu, tiêu hao nhiều năng lượng, không đảm bảo các yêu cầu về bảo vệ môi trường.

3. Nâng cao năng lực lãnh đạo của Đảng, hiệu lực, hiệu quả quản lý của Nhà nước, phát huy quyền làm chủ của nhân dân trong xây dựng và triển khai thực hiện chính sách phát triển công nghiệp

- Các cấp ủy đảng, chính quyền tập trung quán triệt các quan điểm, mục tiêu của Nghị quyết, nâng cao nhận thức về vai trò và nội dung của chính sách công nghiệp trong sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước. Xác định xây dựng và tổ chức thực hiện chính sách công nghiệp là một trong những nội dung lãnh đạo quan trọng của các cấp ủy đảng, chính quyền. Gắn các mục tiêu, nhiệm vụ phát triển công nghiệp với các mục tiêu, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội của các cấp, các ngành.

- Ban cán sự đảng UBND tỉnh chỉ đạo nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước trong lĩnh vực công nghiệp, tập trung khắc phục những vấn đề tồn tại, hạn chế, cải thiện có hiệu quả môi trường đầu tư, kinh doanh của tỉnh. Phối hợp chặt chẽ với các Bộ, ngành Trung ương trong thu hút đầu tư phát triển công nghiệp; tăng cường sự phối hợp giữa các Sở, ban, ngành, UBND các huyện thành phố trong triển khai thực hiện các nhiệm vụ.

- Đảng đoàn HĐND tỉnh chỉ đạo tăng cường giám sát việc triển khai thực hiện các cơ chế, chính sách phát triển công nghiệp để đảm bảo thực thi một cách đồng bộ, hiệu quả, đảm bảo các mục tiêu của tỉnh.

- Phát huy vai trò của Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội trong việc giám sát, tham gia phản biện các cơ chế chính sách phát triển công nghiệp.

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Các huyện ủy, thành ủy, ban cán sự đảng, đảng đoàn căn cứ tình hình thực tế của địa phương, đơn vị xây dựng kế hoạch thực hiện Nghị quyết 23; tổ chức quán triệt Chương trình hành động của Tỉnh ủy, triển khai kế hoạch thực hiện của đơn vị mình đảm bảo chất lượng, hiệu quả.

2. Giao Ban cán sự đảng UBND tỉnh, các Ban xây dựng Đảng của Tỉnh ủy và Văn phòng Tỉnh ủy thường xuyên kiểm tra, giám sát việc thực hiện Chương trình hành động của Tỉnh ủy; kịp thời báo cáo Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh./.

Nơi nhận:

- Ban Bí thư TW Đảng,
- Văn phòng TW Đảng, (để báo cáo)
- Các đồng chí Tỉnh ủy viên,
- Các Ban cán sự đảng, Đảng đoàn,
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh,
- Các huyện, thành ủy, đảng ủy trực thuộc,
- Văn phòng Tỉnh ủy:
- + Lãnh đạo Văn phòng,
- + Phòng Tổng hợp,
- + Lưu VT.

T/M TỈNH ỦY

BÍ THƯ



Nguyễn Đình Khang